

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 214/2023/HS-PT

Ngày: 17-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Phước T và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phước T, Phạm Ánh N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/10/1982, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; có vợ tên Phạm Ánh N, sinh ngày 02/5/1985; có 01 con, sinh năm 2006; tiền sự: Không, tiền án: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố H) tuyên xử 07 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đã chấp hành xong hình phạt tù năm 2020; tạm giữ: Ngày 11/8/2022, tạm giam: Ngày 16/8/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

2. Họ và tên: Phạm Ánh N, sinh ngày 02/5/1985, tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K, năm sinh không rõ và bà Lưu Thị T2, năm sinh không rõ; có chồng tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/10/1982; có 01 con, sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 8 năm 2022 Công an phường A, thành phố H tuần tra, kiểm soát nhằm đảm bảo an ninh trật tự và phòng, chống tội phạm trên địa bàn phường. Trong lúc tuần tra đã tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà thuộc khóm B, phường A, thành phố H. Tại thời điểm kiểm tra có mặt của các bị cáo Nguyễn Phước T, Phạm Ánh N, anh Mai Hồng N1 trong căn nhà và địa chỉ nêu trên. Qua kiểm tra phát hiện trong nhà đang cất giấu 3.150 bao thuốc lá điều nhập lậu nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ: 1.500 bao thuốc lá hiệu JET; 1.500 bao thuốc lá hiệu HERO và 150 bao thuốc lá hiệu SCOTT. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Phước T: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu S màu đen, phía sau ốp lưng màu nâu, màn hình có vết nứt đã qua sử dụng; 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 66G1-680.67; thu giữ của Phạm Ánh N: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, đã qua sử dụng; thu giữ của Mai Hồng N1: 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 66V1-798.68 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, các bị cáo T, N đều khai nhận căn nhà trên do bị cáo T thuê của người đàn ông tên T3 (ở C), mục đích thuê để ở. Số lượng 3.150 bao thuốc lá điều nhập lậu bị bắt quả tang, thu giữ là của vợ chồng bị cáo T. Do muốn nhanh có tiền tiêu xài, bị cáo T nảy sinh ý định buôn bán thuốc lá điều nhập lậu nên bàn bạc với vợ là bị cáo Phạm Ánh N sử dụng phương tiện xe mô tô lên biên giới Việt Nam - Campuchia mua thuốc lá điều ngoại của người thanh niên tên T4 (không rõ địa chỉ, ở Campuchia) với số lượng 2.250 bao, và mua của chị Nguyễn Thị Tuyết N2 (em ruột của bị cáo T) 900 bao. Mục đích để bán lại kiếm lời thì bị kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/8/2022).

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Ánh N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ánh N** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, bị cáo **Nguyễn Phước T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, bị cáo **Phạm Ánh N** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** với tội danh, điều khoản của tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Phước T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo; bị cáo **Phạm Ánh N** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo có cung cấp tình tiết mới là xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình để nuôi cha mẹ già, con nhỏ; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bác ruột của bị cáo là liệt sĩ, cô ruột được tặng thưởng, bằng khen, huân chương kháng chiến; bản thân bị cáo cũng được khen thưởng do có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp ủng hộ đại dịch Covid-19 ở địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N**, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N**.

Các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** không phát biểu tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 8 năm 2022 **Công an phường A**, **thành phố H** đã tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà thuê của bị cáo **T** thuộc **khóm B**, **phường A**, **thành phố H**; tại thời điểm kiểm tra có mặt của các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N**, anh **Mai Hồng N1** trong căn nhà và địa chỉ nêu trên. Qua kiểm tra phát hiện trong căn nhà thuê của bị cáo **T** đang cất giấu tổng số lượng là 3.150 (Ba nghìn một trăm năm mươi) bao thuốc lá điều nhập lậu nên đã tiến

hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Các bị cáo **T** và **N** đều khẳng định số lượng 3.150 bao thuốc lá điều nhập lậu bị bắt quả tang, thu giữ là của vợ chồng bị cáo mua của người thanh niên tên **T4** (không rõ địa chỉ, ở Campuchia) với số lượng 2.250 bao và mua của chị **Nguyễn Thị Tuyết N2** (em ruột của bị cáo **T**) 900 bao; mục đích để bán lại kiếm lời.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại của Nhà nước ta. Các bị cáo là người đã trưởng thành có tinh thần, thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích phạm tội là để tư lợi cá nhân. Các bị cáo thừa biết việc buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ hành vi của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Phước T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Bị cáo **Phạm Ánh N** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo có cung cấp tình tiết mới là xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc đang nuôi cha già bị bệnh tim, mẹ bị bệnh tai biến và con đang tuổi đi học; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bác ruột của bị cáo là liệt sĩ, cô ruột được tặng thưởng bằng khen, huân chương kháng chiến; bản thân bị cáo cũng được khen thưởng do có thành tích xuất sắc trong việc đóng góp ủng hộ đại dịch Covid-19 ở địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vừa nêu không phải là điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo theo luật định. Mặt khác, giữa bị cáo và bị cáo **Nguyễn Phước T** là vợ chồng, bị cáo **T** rủ rê bị cáo và bị cáo thực hiện hành vi với vai trò giúp sức. Trong vụ án này, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, cùng với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, xét thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo **N** một phần về hình phạt do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Phước T**, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Phước T**; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Phạm Ánh N**, sửa phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo **Phạm Ánh N**.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo **Nguyễn Phước T** là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng phần đề nghị đối với bị cáo **Phạm Ánh N** là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên nên không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Phước T** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **Phạm Ánh N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Phước T**. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Phước T**.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Phạm Ánh N**. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo **Phạm Ánh N**.

2. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Phước T**, **Phạm Ánh N** cùng phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước T** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 11/8/2022).

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ánh N** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Phước T** chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **Phạm Ánh N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam CAT;
- TAND thành phố Hồng Ngự (04 bản);
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS thành phố Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhật Minh).

Đã ký

Lê Khắc Thịnh